TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 505/2021/HS-PT
Ngày: 14 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Trương Văn B.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trương Văn B**, tên gọi khác: B Cám, sinh năm 1966 tại Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố L1, thị trấn L2, huyện B1, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B2, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1934, hiện già yếu và cùng trú tại khu phố L1, thị trấn L2, huyện B1; gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ tư; có vợ: Trần Thị Kim B3, sinh 1968 và 02 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/9/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn B:* Luật sư Vũ Hồ T1, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Ngọc BH, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S1, xã S2, huyện B1, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Công ty Sinh Huy, xã S3, huyện S4, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị Kim B3, sinh 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố L1, thị trấn L2, huyện B1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Lin Chien Lai (vắng mặt).
2. Ừng Cóc L (vắng mặt).
3. Nguyễn Quốc Tuấn (có mặt).
4. Nguyễn Hoàng Oanh (vắng mặt).
5. Nguyễn Ngọc Nghĩa (vắng mặt).
6. Đặng Phú Hòa (vắng mặt).
7. Phan Thanh Liêm. (vắng mặt).
8. Hong Hsien Pao (vắng mặt).
9. Lầm Chênh Mầu (vắng mặt).
10. Dềng Phát Cường (vắng mặt).
11. Phúng Sí Mùi (vắng mặt).
12. Phạm Văn Hậu (vắng mặt).
13. Biền Thanh Lanh (vắng mặt).
14. Ừng Phú Quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Ngọc BH (sinh năm 1972, trú tại ấp H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Bến Tre) là công nhân của Công ty nông sản Sinh Huy, có trụ sở tại xã H4, huyện S4, tỉnh Bình Phước.

Đầu năm 2018, chị BH có nhu cầu mua đất tại huyện B1, tỉnh Bình Thuận nên hỏi anh Dềng Phát Cường (sinh năm 1979, người làm cùng công ty với chị BH) có biết nơi nào bán đất thì giới thiệu để chị BH mua. Vì anh Cường đã từng cùng với anh Lầm Chênh Mầu (sinh năm 1978, người làm cùng công ty với anh Cường, chị BH) ra nhà anh bà con của Mầu là Ừng Cóc L (tên gọi khác: Sáng L, sinh năm 1963, trú tại khu phố H4, thị trấn L2, huyện B1, tỉnh Bình Thuận) chơi, nên anh Cường cho chị BH số điện thoại của L để chị BH liên hệ mua đất.

Tháng 4 năm 2018, chị BH cùng ông Lin Chien Lai và ông Hong Hsien Pao ra nhà Ừng Cóc L chơi. Tại đây, chị BH hỏi L biết nơi nào bán đất thì giới

thiệu để chị BH mua trồng cây ăn quả. L biết Trương Văn B có đất bán nên đã gọi B đến nhà L gặp chị BH để thỏa thuận việc mua bán đất.

Khoảng tháng 5 năm 2018, Trương Văn B đã gặp Nguyễn Quốc Tuấn (sinh năm 1971, trú tại khu phố Lương Trung, thị trấn L2, huyện B1) nhờ Tuấn giả làm cán bộ địa chính huyện B1 để khi có người hỏi mua đất, Tuấn nói khu đất B bán làm được giấy tờ. Do Tuấn không biết mục đích của B là lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đồng ý.

Do chị BH không quen biết với Trương Văn B nên mọi việc liên lạc, trao đổi mua bán đất giữa chị BH và B đều thông qua Ừng Cóc L. Trong tháng 5 năm 2018, chị BH cùng ông Lin Chien Lai, ông Hong Hsien Pao ra nhà L thì L dẫn đến quán cà phê Sen gặp B và Tuấn. Tại đây, B giới thiệu Tuấn là cán bộ địa chính huyện B1. Sau đó, B có lấy ra 01 tờ bản đồ photo, chỉ vị trí khu đất có diện tích đất 64 héc-ta và nói bán với giá là 55 triệu đồng/héc-ta. Chị BH hỏi đất có làm được giấy tờ không thì Tuấn nói làm được. Sau đó, B dẫn chị BH, ông Lâm, ông Hồng ra 01 khu đất trống gần đồi cát Ba Cái Lăng thuộc thị trấn L2 để xem đất, có Ừng Cóc L cùng đi. Sau khi xem đất, chị BH nói với B sẽ mua 10 héc-ta với giá 55 triệu đồng/héc-ta, rồi chị BH quay về Bình Phước.

Ngày 09/5/2018, chị BH cùng ông Lin Chien Lai, ông Hong Hsien Pao ra nhà L gặp B. Tại đây, B yêu cầu chị BH đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng, chị BH đồng ý giao cho B 150.000.000 đồng, B viết giấy nhận tiền, có L ký người làm chứng. B nói với chị BH do chị BH không có hộ khẩu tại địa phương nên không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được mà phải nhờ L đứng tên thì chị BH đồng ý.

Đến ngày 06/6/2018, chị BH cùng ông Lin Chien Lai, ông Hong Hsien Pao ra nhà L đưa cho B 50.000.000 đồng. Đến ngày 02/8/2018, chị BH ra nhà L đưa tiếp cho B 100.000.000 đồng. Những lần nhận tiền của chị BH, B đều viết giấy nhận tiền, có L ký người làm chứng.

Sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng của chị BH, B đã mua của ông Nguyễn Hoàng Oanh 01 thửa đất có diện tích 1.030m^2 với giá 20.000.000 đồng thì được ông Oanh giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996 mang tên Nguyễn Ngọc Nghĩa (sinh năm 1978, là em vợ của Oanh, nhờ ông Oanh bán đất giùm). Sau đó, B dùng dao lam cạo xóa một số thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996 rồi đem đến tiệm photocoppy của Đặng Phú Hòa, thuê Hòa đánh lại các thông tin trên máy tính như: tên người sử dụng đất là Ừng Cóc L, sửa diện tích 1.030m^2 thành 12.2002m^2 và in các thông tin này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996. Hòa được B trả tiền công 1.000.000 đồng. Sau đó, B báo cho L biết để L gọi điện báo cho chị BH là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm xong để chị BH ra lấy.

Do bận công việc, chị BH nhờ L đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào Bình Phước, nên ngày 27/8/2018, L và B đã đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996 đã được sửa chữa thành tên Ừng Cóc L, có diện tích đất 12.2002m^2 vào Bình Phước giao cho chị BH. Chị BH hỏi B vì sao chỉ mua 10ha nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12ha thì B nói lỡ làm 12ha, giá 55 triệu đồng/ha, thành tiền là 671.000.000 đồng, chị BH đồng ý giao tiếp cho B số tiền 371.000.000đồng.

Ngày 17/9/2018, chị BH ra nhà L gặp B. Tại đây, chị BH thỏa thuận và đồng ý mua của B 52ha đất với giá 55.000.000đ/héc-ta, chị BH đặt cọc cho B 350.000.000 đồng và yêu cầu B làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị BH đứng tên. B viết giấy nhận tiền, có L ký làm chứng. Ngày 06/11/2018, chị BH và ông Lin Chien Lai cùng đi ra nhà L gặp B. Tại đây, chị BH giao cho B 500.000.000 đồng, B viết giấy nhận tiền, có L ký làm chứng. Sau khi nhận tổng cộng 850.000.000 đồng của chị BH, B mua 01 thửa đất có diện tích 5.000m^2 của ông Phan Thanh Liêm, với giá 35.000.000 đồng và được ông Liêm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP457647 do ông Liêm đứng tên. B dùng dao lam cạo xóa một số thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP457647, từ tên Phan Thanh Liêm thành tên Nguyễn Thị Ngọc BH và sửa diện tích 5.000m^2 thành 460.800m^2. B tiếp tục đem ra tiệm photocopy của Hòa thuê Hòa chỉnh sửa và in rồi trả tiền công cho Hòa 1.000.000 đồng. Sau đó, B báo cho L biết. Ngày 19/11/2018, L điện thoại cho chị BH nói B yêu cầu đặt cọc tiếp 500.000.000 đồng. Do bận công việc nên chị BH nói L lấy số tài khoản của B để chị BH chuyển tiền. Sau khi được L cung cấp số tài khoản của B, trong ngày 19/11/2018, chị BH đã chuyển cho B số tiền 500.000.000 đồng vào số tài khoản: 480520510348 của Trương Văn B tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh L2. Một thời gian sau, chị BH và ông Lâm cùng ra gặp B thì B giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP457647 mang tên chị BH. Chị BH thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B đưa có dấu hiệu tẩy xóa nên yêu cầu B làm lại thì chị BH mới giao đủ tiền. Sau đó, B đã mua của ông Phạm Văn Hậu (sinh năm 1955, trú tại thôn Thái Thuận, xã Hồng Thái, huyện B1) 01 thửa đất, thì được ông Hậu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE135234, có diện tích 12.568m^2 mang tên Biền Thanh Lanh (sinh năm 1962, trú cùng thôn, nhờ ông Hậu bán giùm). Bằng cách thức tương tự, B đã thuê Đặng Phú Hòa chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành tên Nguyễn Thị Ngọc BH, có diện tích 520.000m^2 và trả tiền công cho Hòa 1.000.000 đồng rồi báo cho L biết. Vì vậy, L đã điện thoại cho chị BH nói ra lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do chị BH bận không ra được nên ngày 29/01/2019, chị BH chuyển tiếp 300.000.000 đồng vào số tài khoản: 480520510348 của

Trương Văn B tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh L2.

Ngày 25/02/2019, Trương Văn B đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE135234 (đã được chỉnh sửa) ra Văn phòng Công chứng L2 để nhờ kiểm tra có công chứng được không thì bị Công chứng viên nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đã báo cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B1 đã báo cho Công an huyện B1. Tại cơ quan công an, Trương Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Tài liệu, đồ vật thu giữ***:**

- Ngày 06/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B1 tạm giữ của Trương Văn B: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP457647, diện tích 460.800m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc BH.

- Ngày 26/4/2019, chị Nguyễn Thị Ngọc BH giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996, diện tích 12.2002m^2 mang tên Ừng Cóc L; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE135234, diện tích 520.000m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc BH; 03 tờ giấy thể hiện việc thỏa thuận mua bán đất và những lần chị BH giao tiền cho Trương Văn B; 02 chứng từ ủy nhiệm chi thể hiện chị BH chuyển 500.000.000 đồng trong ngày 19/11/2018 và chuyển 300.000.000 đồng trong ngày 29/01/2019 vào tài khoản của Trương Văn B.

Tại Kết luận giám định số 448/KLGĐ-PC09 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- 03 phôi tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 , A3 là phôi thật;

- Có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa các nội dung dưới mục: "I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất", II.1. Thửa đất", "III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" và nội dung ngày/tháng/năm trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 , A3.

Về dân sự: Quá trình điều tra, Trương Văn B thỏa thuận bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc BH 03 thửa đất B mua của ông Nguyễn Ngọc Nghĩa, Phan Thanh Liêm và ông Biền Thanh Lanh với tổng giá trị 300.000.000đ, chị BH đồng ý với việc bồi thường này. Số tiền 2.021.000.000 đồng còn lại, chị BH tiếp tục yêu cầu B phải bồi thường.

Về biện pháp cưỡng chế: Ngày 03 tháng 4 năm 2020, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Thuận đã ban hành "*Lệnh kê biên tài sản*" số 01/VPCQCSĐT, kê biên tài sản của Trương Văn B gồm thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 18.265m^2 tại thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện B1, tỉnh Bình Thuận và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 29, diện tích 36.955m^2 tại thôn Hồng

Lâm, xã Hòa Thắng, huyện B1, tỉnh Bình Thuận. Số tài sản này hiện được giao cho bà Trần Thị Kim B3 trực tiếp quản lý.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSBT-P1, ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Trương Văn B tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 340 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Căn cứ vào: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b khoản 2 Điều 340, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, Điều 50 và Điều 55 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Trương Văn B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn B 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 12 tháng 9 năm 2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 128 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trương Văn B trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc BH số tiền 2.021.000.000 (hai tỷ không trăm hai mốt triệu) đồng.

Áp dụng Điều 129 Bộ luật dân sự; Điều 97, 99, 166, 167, 169 và 170 Luật đất đai. Công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc BH được quyền sử dụng các thửa đất do bị cáo B mua gồm:

- Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 232996 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 19/08/2018 ;

- Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 457647 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp (ngày cấp không rõ vì thông tin đã bị cạo sửa);

- Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 135234 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp cấp (ngày cấp không rõ vì thông tin đã bị cạo sửa).

Về biện pháp cưỡng chế: Tiếp tục kê biên số tài sản gồm: thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 18.265m^2 tại thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện B1, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 746869 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 29 tháng 01 năm 2015 cho Trương Văn B và vợ là Trần Thị Kim B3 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 29, diện tích 36.955m^2 tại

thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện B1, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 746518 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp ngày 29 tháng 01 năm 2015 cho Trương Văn B và vợ là Trần Thị Kim B3 để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2020, bị cáo Trương Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/01/2021, bị cáo Trương Văn B có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 50/2021/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo Trương Văn B.

Tại Quyết định số 12/QĐ/VC3-V1 ngày 15/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm nêu trên để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo B khai toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại Nguyễn Thị Ngọc BH là do Ừng Cóc L khởi xướng, bàn bạc cùng đưa thông tin gian dối để bán đất cho bị hại rồi cùng B chia tiền. Chính bà BH và L thừa nhận, BH có nhờ L mua đất và đứng tên giúp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, L còn thừa nhận bị cáo B có hứa sau khi hoàn tất việc mua bán với bà BH, B sẽ cho L 150.000.000 đồng. Nếu không có sự tham gia ngay từ đầu và sự giúp sức tích cực của Ừng Cóc L thì B không thể chiếm đoạt được tiền của bị hại BH. Qua đó, hành vi của L có dấu hiệu đồng phạm với Trương Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức". Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, huỷ bản án sơ thẩm do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm để điều tra xét xử lại theo qui định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Văn B trình bày:

Thống nhất nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại do bỏ lọt người phạm tội. Bởi lẽ, ngay từ đầu giữa bị cáo và bị hại không quen biết; mọi quan hệ giao dịch, thông tin, liên lạc trao đổi, mua bán đều thông qua Ừng Cóc L. Bản thân L là người có chức vụ quyền hạn nhất định, nắm rõ trình tự thủ tục kê khai đăng ký để được cấp sổ, việc L hứa làm được sổ nhanh chóng và thực tế được thực hiện bằng hành vi phạm pháp, có căn cứ kết luận hành vi đồng phạm. Chính L là người dẫn dắt, sắp đặt và tạo ra giao dịch dân sự giả tạo, nhằm mục đích đánh lừa người bị hại; như đưa chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho B để điền thông tin cần cạo sửa, Ừng Cóc L đã ký tên và cam kết "nếu sau này có trở ngại, trục trặc hai chúng tôi hoàn trả lại tiền", và việc L thừa nhận B hứa cho 150.000.000 đồng. Lời khai của B cũng khẳng định cạo sửa cuốn sổ là do hai người cùng làm. Sau khi đã hoàn tất sổ đỏ đã bị cạo sửa đứng tên Ừng Cóc L, thì L cùng với B vào Bình Phước giao cho người bị hại.

Bị cáo Trương Văn B thống nhất ý kiến của luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc BH và người làm chứng Ừng Cóc L đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị BH, ông L.

[2] Qua bạn bè giới thiệu chị Nguyễn Thị Ngọc BH đã liên hệ với Ừng Cóc L để nhờ mua đất. L giới thiệu Trương Văn B cho chị BH để mua đất. L đã nhờ Nguyễn Quốc Tuấn giả làm cán bộ địa chính huyện B1, lấy 01 tờ giấy photo chỉ vào vị trí khu đất có diện tích 64 hécta và nói bán cho chị BH với giá 55 triệu đồng/hécta. Do tin tưởng B là chủ đất và Tuấn là cán bộ địa chính huyện nên chị BH đồng ý mua 10 hécta. B nói với chị BH do chị BH không phải là người địa phương không đứng tên được nên nhờ Ừng Cóc L đứng tên, chị BH đồng ý.

Sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng của chị BH B đã mua 01 thửa đất có diện tích 1.030m^2 với giá 20.000.000 đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ232996 mang tên Nguyễn Ngọc Nghĩa. Sau đó B cạo xoá một số thông tin trên giấy chứng nhận rồi thuê Đặng Phú Hoà đánh lại các thông tin như tên người sử dụng đất là Ừng Cóc L, sửa diện tích 1.030m^2 thành 12.2002 m^2 và in các thông tin này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi B và L mang giấy

chứng nhận vào Bình Phước cho chị BH và chị BH giao tiếp cho B số tiền 371.000.000 đồng (do B nói đã lỡ làm giấy chứng nhận 12 hécta thay vì 10 hécta như thoả thuận).

Ngày 17/9/2018, chị BH gặp B mua tiếp 52 hécta đất với giá 55.000.000 đồng/hécta. Cùng với thủ đoạn tương tự, B mua một thửa đất có diện tích 5.000 m^2 của ông Phan Thanh Liêm và được ông Liêm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP457647 rồi sửa giấy chứng nhận mang tên ông Liêm sang tên chị BH và sửa diện tích đất thành 460.800m^2. Do thấy giấy chứng nhận có dấu hiệu tẩy xoá nên chị BH yêu cầu B làm lại mới giao đủ tiền, B tiếp tục mua một thửa đất có diện tích 12.568m^2 mang tên Biền Thanh Lam rồi tiếp tục sửa giấy chứng nhận này sang tên chị BH cùng diện tích thành 520.000m^2. Chị BH chuyển cho B tổng cộng 1.150.000.000 đồng để mua mảnh đất này. Như vậy tổng số tiền chị BH chuyển cho B để mua 02 mảnh đất là 2.321.000.000 đồng.

Hành vi như đã nêu trên của bị cáo B đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, b khoản 2 Điều 340 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định kháng nghị đề nghị huỷ bản án sơ thẩm do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm khi không xem xét trách nhiệm hình sự của Ừng Cóc L về hành vi đồng phạm với Trương Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức". Toà án cấp sơ thẩm chỉ kiến nghị tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Ừng Cóc L là chưa thể hiện trách nhiệm trong phòng ngừa và đấu tranh tội phạm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, bị cáo Trương Văn B khai toàn bộ việc lừa đảo tiền của chị BH là do Ừng Cóc L khởi xướng, bàn bạc cùng đưa thông tin gian dối để bán đất cho chị BH rồi cùng B chia tiền. Ừng Cóc L không thừa nhận hành vi của mình mà khai nhận chỉ là người giới thiệu B cho chị BH mua đất, các giấy giao nhận tiền giữa chị BH và B, L chỉ là người làm chứng, L không được B chia tiền. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án có một bản "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" thể hiện bên chuyển nhượng là Trương Văn B và Ừng Cóc L và bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Ngọc BH, Trong phần cam kết của hợp đồng có ghi "Nếu sau này có trở ngại, trục trặc hai chúng tôi hoàn trả số tiền như trên"; tại phiên toà sơ thẩm L đã thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng này là của mình. L trước đây là Phó ban điều hành khu phố và hiện là công an khu phố có hiểu biết pháp luật nhưng L khai không ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lên Văn phòng

đăng ký chỉ ngồi ngoài đợi B nhưng vẫn ra được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên L là không phù hợp. L chính là người đi cùng B vào giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình cho chị BH để nhận tiền.

Ngoài ra, theo lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Quốc Tuấn thì khi B nhờ tới quán cà phê giả làm cán bộ địa chính thì L dặn ông tới quán đừng có nói gì, khi ai hỏi có làm sổ được không thì trả lời có. Lời khai này của ông Tuấn phù hợp với lời khai của bị cáo B về việc cả bị cáo và L cùng giới thiệu ông Tuấn là cán bộ địa chính.

L là người có mặt cùng B trong suốt quá trình bán đất cho chị BH từ việc gặp gỡ, dắt chị BH đi xem đất, giao nhận tiền. L biết Tuấn không phải cán bộ địa chính nhưng đã cùng B giới thiệu ông Tuấn để tạo niềm tin cho chị BH. L còn khai nhận B hứa nếu bán xong đất sẽ chia cho L 150.000.000 đồng.

Như vậy, có thể thấy nếu không có sự giúp sức tích cực của L thì bị cáo B sẽ không thể thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị BH, việc không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ừng Cóc L là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, làm rõ, xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ừng Cóc L.

Tuy nhiên, đối với quan điểm của kháng nghị cho rằng Toà án cấp sơ thẩm chưa thể hiện được trách nhiệm trong phòng ngừa và đấu tranh tội phạm là không chính xác, bởi lẽ trong quá trình xét xử Toà án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đánh giá chứng cứ và xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ừng Cóc L. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã giữ nguyên quan điểm không điều tra bổ sung cũng như cho rằng không đủ căn cứ xác định L là đồng phạm với bị cáo B. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiếp tục kiến nghị trong bản án để điều tra xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ừng Cóc L là thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình.

Sau khi xét xử phúc thẩm bị cáo Trương Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin rút đơn kháng cáo. Do Hội đồng xét xử quyết định huỷ bản án sơ thẩm để xem xét giải quyết theo thủ tục nên tiếp tục tạm giam bị cáo B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1/ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS-ST ngày 18/12/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận để giải quyết theo thẩm quyền.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Văn B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý lại hồ sơ vụ án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo B không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Phạm Trí Tuấn** **Trần Thị Hòa Hiệp**